

**QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ SỤP ĐỔ
CỦA CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM -
NGẬP GIỮA VÙNG LẦY**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Halberstam, David

Quá trình phát triển và sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm - Ngập
giữa vũng lầy / David Halberstam. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật,
2025. - 480 tr. ; 24 cm

ISBN 978-604-46-0143-4

1. Lịch sử 2. Chế độ Ngô Đình Diệm 3. Việt Nam

959.7043 - dc23

CTM0799p-CIP



Mời bạn quét mã QR để đọc sách!

DAVID HALBERSTAM

**QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ SỤP ĐỔ
CỦA CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM -
NGẬP GIỮA VŨNG LẦY**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chiến tranh Việt Nam là đề tài thu hút sự quan tâm của các nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu, các hãng thông tấn đương thời. David Halberstam (1934 - 2007) là một phóng viên chiến trường người Mỹ đã đoạt giải thưởng Pulitzer - với những tác phẩm xuất sắc trong lĩnh vực lịch sử, chính trị, báo chí, văn học của nước Mỹ ở thế kỷ XX, cũng là một người đam mê chủ đề đa dạng này.

Tác phẩm *Quá trình phát triển và sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm - ngập giữa vũng lầy* của David Halberstam tuy không phải là tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, nhưng có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời và sự nghiệp của tác giả. Cuốn sách viết về thực tế diễn ra của cuộc chiến tranh tại Việt Nam, nơi mà Halberstam đã tận mắt chứng kiến sự phức tạp và bi thảm của cuộc chiến tranh trong 14 tháng khi ông ở miền Nam Việt Nam (từ tháng 10/1963 đến tháng 12/1964). Cuốn sách không chỉ là một bản tường thuật chi tiết về chiến tranh, mà còn là một tác phẩm phân tích sâu về tình hình chính trị và xã hội của Việt Nam sau khi Mỹ thay chân Pháp xâm lược Việt Nam. Tác giả đã mô tả sự hình thành, phát triển và sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm; đồng thời, phản ánh một cách chân thực về chính trường ngay tại nước Mỹ trước những diễn biến quan trọng của cuộc chiến tại Việt Nam.

Thông qua cuốn sách, tác giả đã đưa ra những dự đoán của mình về chiến tranh Việt Nam: “Khi bắt đầu viết cuốn sách này, tôi đã biết trước rằng những sự kiện mà tôi sắp viết ra đây sẽ

nhANH chóng đưOC thay thế bằng nhữNG sự kiện mới trên thực tế, ngay sau khi tôi hoàn thành một chương của cuốn sách với nhữNG quan sát của mình cũng đồng nghĩa với việc một chương mới sẽ mở ra ở Việt Nam”. Ông nhìn nhận, phân tích và đánh giá khá thực tế, khách quan về Mỹ, dù có phương tiện chiến tranh hiện đại, nhưng sẽ không thể chiến thắng được tinh thần đấu tranh của lực lượng cách mạng Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung. Là một phóng viên chiến trường, ông thể hiện tinh thần chiến đấu chống chiến tranh phi nghĩa qua ngòi bút phê phán và lên án của mình. Ông viết: “Không một người Mỹ nào có thể trở về từ Việt Nam với cái đầu ngẩng cao và lương tâm trong sáng. Nếu có chút lương tâm, hẳn anh ta sẽ trở về nhà với một nỗi bất an sâu sắc, chưa kể đến những nỗi đau hay niềm thương cảm đối với đất nước này. Sự thất bại của Mỹ ở Đông Dương là một thử thách vô ích, tốn kém và đẫm máu”.

Tất nhiên, với cách tiếp cận của tác giả, trong thời gian ngắn, chưa đầy đủ nên nhiều đánh giá về lực lượng cách mạng chưa chính xác; đồng thời, chưa phản ánh được hết những tội ác của Mỹ - nguy đối với cách mạng và nhân dân miền Nam, nhưng tôn trọng góc nhìn của tác giả, chúng tôi cố gắng giữ nguyên các nhận định, đánh giá của tác giả. Nhằm giúp bạn đọc tham khảo, tìm hiểu về chiến tranh Việt Nam với những góc nhìn, đánh giá của một phóng viên người Mỹ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Quá trình phát triển và sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm - ngấp giữa vũng lầy*** của David Halberstam từ tiếng Pháp (xuất bản năm 1966).

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và rất mong nhận được các ý kiến góp ý để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Tháng 7 năm 2025

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



Quét mã QR để nghe Audio

CHƯƠNG I

Warsaw, tháng 10/1965.

Tôi bắt đầu viết cuốn sách này vào tháng 2/1964. Trở về từ Việt Nam, tôi không khỏi chua xót khi ngẫm lại những gì đã xảy ra với đất nước này. Đối với tôi, tinh thần của người dân miền Nam Việt Nam dường như đã tan vỡ đến không thể vãn hồi. Hai mươi năm chiến tranh và mười năm dưới sự cai trị của một chế độ độc tài đã giáng cho họ một đòn khủng khiếp, khiến hy vọng vào một tương lai xa xôi vượt ngoài tầm với. Thậm chí đến tận bây giờ, tôi có cảm giác rằng cuộc chiến gần như đã đi đến hồi kết theo cách mà nó đã diễn ra.

Quay lại Washington, tôi không khỏi ngạc nhiên trước bầu không khí khác lạ ở đây. Nhìn thoáng xung quanh, tôi nhận ra rằng những quan niệm mà chúng tôi có về Việt Nam từ trước đến giờ vẫn còn nhiều sai lệch. Có lẽ đây mới chỉ là khởi đầu cho sự hiểu biết về Việt Nam từ trước tới giờ. Những bảng thống kê lê thê (làm tôi nhớ về một cuộc họp báo ở Sài Gòn khi Arthur Sylvester¹ cho chúng tôi biết những

1. Arthur Sylvester: Trung tướng Quân đội Hoa Kỳ, chỉ huy lực lượng dã chiến I trong chiến tranh Việt Nam (BT).

con số mà Bộ trưởng McNamara đã công bố trong chuyến công du của ông ở Việt Nam, những số liệu quý giá mà vào thời điểm đó từng được coi là kim chỉ nam của chúng tôi), những báo cáo được đánh giá cao của Washington đã cung cấp cho phóng viên cũng như người dân những thông tin sai lầm. Sau tất cả, những thông tin tình báo cũng đã đem đến những sự sai lệch nhất định. Chắc chắn Washington sau đó đã phải thừa nhận những con số được công bố là sai sự thật, rằng kết quả cuộc chiến là bất phân thắng bại, hay thậm chí có thể nói họ đã thua. Họ thực chất không nhận thức được mức độ nghiêm trọng của tình hình lúc đó, họ không quan tâm đến sự mệt mỏi, gian nan của những người Việt Nam đã phải dính líu vào cuộc chiến này và sẽ khó khăn biết bao để chuộc lại những lỗi lầm đó. Bởi vì, Washington chỉ đứng sau chiến tuyến nên đối với họ, những cuộc chiến như vậy vẫn còn là một điều mới lạ. Tất nhiên, Washington giờ đã sẵn sàng thừa nhận tất cả những sai lầm đã mắc phải và cần điều chỉnh nó đi đúng hướng. Việc đầu tiên cần quan tâm lúc này là nghiên cứu các kế hoạch mới, các đại sứ mới và bổ nhiệm một vị tướng mới (tướng Westmoreland sau đó đã được bổ nhiệm thay thế tướng Harkins, nhưng ngay lập tức lại bị Cục Quan hệ công chúng quân đội gán cho cái mác “vị tướng tàn bạo và ngớ ngẩn” như tướng Harkins đã từng như vậy).

Đây chính là những nhận thức sai lệch của Washington do họ không được trực tiếp chứng kiến sự mở rộng của lực lượng cách mạng ở Việt Nam. Các cuộc tấn công của lực lượng cách mạng diễn ra một cách mạnh mẽ và trên quy mô lớn, số lượng các cuộc tấn công ngày càng tăng bất chấp sự can thiệp của chính quyền Sài Gòn. Ấy thế mà ở Washington, họ nghĩ rằng

chỉ cần bổ sung lực lượng quân đội đông đảo, tập trung vào cung cấp vũ khí và lập ra những chiến lược hoàn hảo là đủ để đàn áp lực lượng cách mạng như họ dự liệu!

Vì vậy, khi bắt đầu viết cuốn sách này, tôi đã biết trước rằng những sự kiện mà tôi sắp viết ra đây sẽ nhanh chóng được thay thế bằng những sự kiện mới, ngay sau khi tôi hoàn thành một chương của cuốn sách với những quan sát của mình cũng đồng nghĩa với việc một chương mới sẽ mở ra ở Việt Nam. Tuy nhiên, tôi vẫn quyết định ghi lại tất cả khi biết rằng cuốn sách này sẽ được xuất bản ở Mỹ vào mùa xuân năm 1965, đối với tôi, lúc đó cũng chính là lúc sự thật được hé mở. Tôi viết với trách nhiệm phải cố gắng giải thích tường tận sự việc. Ngay cả tiêu đề của cuốn sách cũng diễn tả nỗi thống khổ đã ám ảnh tôi khi nghĩ về hoàn cảnh của cuộc chiến lúc đó (ngập giữa vũng lầy).

Đối với Mỹ, năm 1964 là bước ngoặt đánh dấu cho việc nhận ra sự khủng khiếp của thảm kịch, là vòng xoáy lịch sử đang đi xuống ở Việt Nam. Họ nhận ra rằng đối phương đang nắm lợi thế và có quyền quyết định về thời gian, địa điểm và mức độ mà cuộc chiến sẽ diễn ra; rằng lực lượng cách mạng Việt Nam đang dần lấy lại quyền kiểm soát đối với người dân và đất nước của họ. Trận chiến chuẩn bị bước vào giai đoạn mới. Quân đội cách mạng bắt đầu sử dụng vũ khí hạng nặng chuyển từ miền Bắc Việt Nam và bộ đội Nam tiến kể từ khi cuộc chiến bắt đầu. Ở miền Nam lúc này, tình hình ngày càng trở nên tồi tệ.

Sau khi nhận thức tình hình một cách muộn màng, không có gì gây hoang mang cho người Mỹ hơn là việc không biết liệu cuộc chiến này còn tiếp tục kéo dài đến bao giờ. Dù

đổi mặt với thất bại rõ ràng ngay trước mắt nhưng quân đội Việt Nam Cộng hòa vẫn chưa bỏ cuộc.

Trong giai đoạn đó, mỗi ngày trôi qua, Mỹ càng tiến gần đến cuối con đường. Trong suốt 10 năm ở Đông Dương, họ đã trì hoãn việc đưa ra cam kết cuối cùng. (Thực chất, đã có rất nhiều cam kết được thực hiện trong vòng 10 năm và tất cả những cam kết đó đều như là cuối cùng).

Những năm gần đây, chủ đề được bàn tán luôn xoay quanh các vấn đề này. Xét cho cùng thì trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, tất cả những gì người Mỹ có thể làm là viện trợ và hỗ trợ cố vấn quân sự. Do đó, yếu tố quyết định trên chiến trường đều dựa vào quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhưng đến giữa năm 1964, tình hình đã chứng minh rõ ràng rằng chỉ dựa vào lực lượng này là không đủ. Thế trận lúc đó đã trở nên không thể cầm cự được, ngay cả khi có viện trợ đáng kể từ Mỹ. Trước tình hình đó, Mỹ cần đưa ra quyết định cụ thể: hoặc là rút quân hoàn toàn dưới vỏ bọc trung lập; hoặc một lần nữa đẩy mức cam kết viện trợ lên tối đa, đưa lực lượng quân đội Mỹ trực tiếp sang châu Á.

Dù quyết định thế nào, nói vẫn dễ hơn làm. Ở thời điểm đó, để trở thành một phóng viên hay nhà phê bình không quá khó khăn, chỉ cần tổng hợp tất cả những ý kiến được các phe đối lập đưa ra, dù không bên nào đưa ra được một giải pháp thực sự. Đối với những người đưa ra quyết định cuối cùng, việc Mỹ rút quân chỉ có một ý nghĩa duy nhất: Mỹ đang thể hiện thái độ trung lập, bằng mọi cách âm thầm rút lui. Ở thành phố Geneva xa xôi, sau mỗi cuộc họp sẽ có một sĩ quan Mỹ bắt đầu giải thích với cánh báo chí về những yếu tố quyết định vì sao nên ngoại giao Mỹ thành

công như vậy (chỉ cần nghe thôi có lẽ cũng đủ để người ta hình dung ra một phương án nhân đạo thường thấy, như hứa viện trợ cho những người tị nạn hoặc một điều gì đó tương tự). Nhưng chắc chắn là sẽ không có quốc gia nào liên quan bị những điều đó lừa dối, kể cả nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng Cộng sản Trung Quốc, hay bất kỳ quốc gia Đông Nam Á nào khác.

Lựa chọn thứ hai cũng có thể xảy ra, tuy nhiên kết quả cũng không khá khẩm hơn là bao. Chỉ cần tính đến việc gây dựng được uy tín của Mỹ và đưa quân sang chiến đấu ở châu Á là đã đủ khó khăn. Một sự thật có thể tưởng tượng được chính là cam kết lớn như vậy nhưng chỉ mang giá trị rất thấp và sẽ không thay đổi được quá nhiều trong cán cân này. So với những quyết định đã gây khó khăn cho người Mỹ trong các cuộc chiến trước đây, thì lần này điều đó còn khó khăn hơn nhiều. Đối với trận Trân Châu Cảng trong Chiến tranh thế giới thứ hai là do Mỹ bị ép phải tham gia; ở Hàn Quốc, Mỹ đang có những kết quả trong việc bảo vệ đường biên giới. Còn tình hình hiện tại, Mỹ chính xác là đang ngập giữa vũng lầy. So với Việt Nam, ở Hàn Quốc bài toán đơn giản hơn: đối phương mặc quân phục giả vờ vượt qua biên giới được phân định sẵn và trong trường hợp này có thể thay bằng pháo với xe tăng. Ngược lại, cuộc chiến ở Việt Nam về bản chất là cuộc chiến chính trị xuất phát từ cả bên trong lẫn bên ngoài, chống lại đối phương được nguy trang khéo léo đến mức ngay cả trong gia đình cũng không biết ai theo cách mạng. Buộc phải đưa ra quyết định như vậy, dù kết quả có như thế nào thì Tổng thống Mỹ Lyndon Johnson cũng đều đáng bị lên án.

Ông đưa ra quyết định này dù hoàn toàn nhận thức được rằng sẽ vấp phải sự phản đối của giới trí thức. Chính quyền Sài Gòn và quân đội có thể chấp nhận cuộc chiến này một cách miễn cưỡng, nhưng nhiều người Mỹ có tầm ảnh hưởng không ủng hộ cuộc chiến này. Vì mục đích của cuốn sách này là tự do thông tin, hoặc để cung cấp tin tức về một cuộc chiến khó khăn và phức tạp, tôi nghĩ cần nêu lên quan điểm của mình trước. Theo tôi, vai trò của Mỹ ở Việt Nam về bản chất không xấu; mặc dù điều đó khá ngu ngốc và thậm chí còn có xu hướng hủy hoại Chính phủ Mỹ. Nhưng những tin tức mà Chính phủ Mỹ đưa ra về chính sách, mục tiêu và những thành công của họ lại là một mớ dối trá. Trong một thời gian dài, từ ngày này qua ngày khác, những người phát ngôn của Mỹ bị buộc phải hòa theo những câu chuyện dối trá tồi tệ nhất. Phát ngôn của Chính phủ Mỹ sau đó đã mất tín nhiệm. Đến năm 1964, họ không còn nhận được sự trân trọng và ngay cả khi họ có nói ra sự thật thì cũng không còn ai tin tưởng. Những người hiểu biết và có suy nghĩ đều nhận thấy rằng cuộc chiến có lẽ đang diễn ra theo chiều hướng rất tồi tệ, trong khi những người viết và ra thông cáo đều nói rằng mọi thứ đang rất ổn. Điều này làm mọi người nghi ngờ những gì chính quyền Sài Gòn đã tuyên bố khi họ thú nhận rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nắm quyền kiểm soát cuộc chiến, rằng cuộc chiến ẩn chứa một âm mưu lớn hơn nhiều so với một cuộc nổi dậy của người dân. Có lẽ không cần thiết phải nhấn mạnh điều này thêm, nhưng tôi nghĩ rằng việc phát tán tin tức sai sự thật trong những năm đầu của thập niên 1960, những suy đoán vô căn cứ đó vẫn còn ám ảnh Chính phủ Mỹ cho đến tận bây giờ. Để khi họ muốn

truyền đạt điều gì một cách hợp pháp và chính thức, phần lớn tầng lớp trí thức không còn muốn lắng nghe nữa.

Vì vậy, vào năm 1965, người Mỹ lại âm thầm bước vào cuộc chiến ở châu Á.

Dần dần, cuộc chiến này trở thành của Mỹ. Mỹ ngày càng nhúng tay sâu hơn, mỗi bước đi của Mỹ đều được dự tính và chuẩn bị cho những bước đi tiếp theo. Trong khi đó, những cuộc tranh luận xảy ra dữ dội ở các trường đại học và trên các đề mục báo chí tại Washington, họ quan tâm đến các phương án mà Mỹ nên áp dụng. Kể cả sau khi quyết định chính thức đã được đưa ra thì các cuộc thảo luận vẫn diễn ra sôi nổi.

Tại một thủ đô của một nước ở Tây Âu, vào đầu năm 1965, tôi đã gặp một người bạn làm việc lâu năm ở Đông Nam Á, vừa mới trở về sau 15 ngày ở Washington. Ông ta có nhiều mối quan hệ tốt trong Nhà Trắng và có nhiều cuộc bàn luận về Việt Nam với họ. Ông nói về một điều quan trọng mà phần lớn mọi người thường không nhắc đến, đó là suy nghĩ của Tổng thống Mỹ Johnson. Ông ta đã thể hiện rõ quan điểm khi nói rằng Mỹ sẽ không để mình bị đuổi khỏi Việt Nam và ông ta thực sự tin điều đó.

*

* *

Một cuộc chiến mới bắt đầu với các cuộc ném bom vào miền Bắc. Khi quyết định này được đưa ra, Mỹ hy vọng có thể làm suy yếu lực lượng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hoặc khiến những người chịu trách nhiệm chính ở Hà Nội phải sợ hãi. Tuy nhiên, nếu đây thực sự là mục đích cuối

cùng thì nó chắc chắn sẽ thất bại. Nhưng nếu mục đích chỉ là khiến Hà Nội phải trả giá cho cuộc chiến nổ ra ở miền Nam, giáng một đòn vào sức sống và nghị lực của họ, khiến cuộc sống của họ khó khăn hơn một chút, thì có lẽ những nhà lãnh đạo nước Mỹ đã đạt được một phần. Vào đầu năm 1965, Hà Nội đã không quan tâm đến một vài vụ ném bom vì họ tin rằng cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam sẽ thắng lợi, đặc biệt là khi các cuộc tấn công nhắm vào các cây cầu vốn chỉ có tầm quan trọng thứ yếu đối với cuộc sống hằng ngày của họ. Người Việt Nam vốn đã sống thiếu thốn nhiều thứ, nếu phá hủy thêm vài cây cầu nữa cũng chẳng hề hấn gì đối với họ.

Cuộc chiến tranh phá hoại này nổ ra vào tháng 2 và được thông báo rầm rộ. Vài ngày sau, vẫn trong tháng 2, Mỹ đã triển khai một lực lượng không quân đáng kể nhưng ít rầm rộ hơn. Họ bắt đầu gửi máy bay chiến đấu và máy bay ném bom vào miền Nam Việt Nam, đầu tiên chỉ là các cuộc không kích nhỏ lẻ, sau đó đã dần mở rộng. Sự kiện này không được công bố rộng rãi như chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Nó chưa bao giờ được đề cập trên các mặt báo, nói đúng ra là gần như không được nhắc đến. Và không giống sự kiện tại miền Bắc, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng không mở cuộc họp báo nào về vấn đề này, thậm chí còn chưa từng thông báo. Những thông tin qua loa về sự kiện này chỉ được tiết lộ sau khi kết thúc các cuộc họp quân sự. Dù sao đó cũng là một quyết định đáng lo ngại. Tôi nhớ rằng, ngay khi nhận được thông báo về việc này ở Warsaw, ngay lập tức, tôi gửi một tin nhắn đến văn phòng ở New York để giải thích vì sao tôi cho rằng nó cực kỳ quan trọng. Việc làm này thực tế đã tạo nên một sự thay đổi hoàn toàn về thái độ của nhân dân

miền Nam. Mặc dù, chúng tôi không quá quan tâm đến những gì nhân dân miền Bắc nghĩ, vì miền Bắc vốn là lãnh thổ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng với nhân dân miền Nam thì lại khác. Họ biết sức nặng của miền Bắc trong cán cân này. Lựa chọn đánh bom hàng loạt ở miền Bắc, theo tôi là một hành động thể hiện sự tuyệt vọng vào thời điểm đó, vì Mỹ không còn cách nào khác ngoài việc sử dụng vũ khí có thể giết hàng nghìn thường dân vô tội. Đó hẳn là một quyết định khó khăn, mặc dù trong vài năm nữa, nếu Mỹ có được chiến thắng thì nó sẽ lại được xem như một quyết định đúng đắn.

Ngoài ra, các đội quân thiện chiến, tinh nhuệ của Mỹ đã đổ bộ vào miền Nam Việt Nam. Ban đầu, họ chỉ được lệnh bảo vệ các sân bay, không được tấn công và gây chiến. Trong suốt mùa hè sau đó, khi cuộc chiến trở nên gay gắt, mỗi ngày lại có thêm những đoàn quân mới đến. Chiến lược mới của Mỹ là xây dựng một mạng lưới các cứ điểm dọc theo bờ biển, tăng cường tối đa sức mạnh hải quân và không quân của Mỹ, sau đó các lực lượng này sẽ di chuyển sâu vào đất liền. Thời điểm tôi viết cuốn sách này, đã có đến 200.000 quân Mỹ đóng ở Việt Nam. Lúc này, lực lượng cách mạng vẫn chưa thể ném bất cứ người Mỹ hay quân Việt Nam Cộng hòa nào xuống biển. Thậm chí còn có một số chiến thắng chóng vánh của phía Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Rõ ràng, lực lượng cách mạng chưa được chuẩn bị để có thể chống lại sự can thiệp của Mỹ. Một số chiến thắng đặc biệt quan trọng có thể kể đến là quân đội trên đất liền đã thành công trong việc đánh bại lực lượng cách mạng và khai thác sức mạnh của không quân chống lại họ.

Những thắng lợi này lại một lần nữa thổi lên luồng gió lạc quan ở Mỹ. Người ta nói các chiến thắng đã chứng minh tính hiệu quả trong những nỗ lực mới của Mỹ. Một lần nữa, những câu chuyện hay lại bắt đầu được kể: hạ thấp tinh thần của lực lượng cách mạng, về số lượng đào ngũ trong hàng ngũ của họ; về sự hăng hái của quân đội Việt Nam Cộng hòa cũng như về tình hữu nghị ngày càng khăng khít. Những dự đoán về chiến tranh tưởng như sắp kết thúc lại một lần nữa được đưa ra.

Nhưng tôi không chắc về độ tin cậy của những câu chuyện kể trên. Tôi nghi ngờ về tỷ lệ đào ngũ cao của lực lượng cách mạng và việc hạ thấp tinh thần của họ. Rõ ràng là việc sử dụng sức mạnh không quân của Mỹ một cách nhất quán đã giúp ích cho cái gọi là chính nghĩa của Mỹ, trong một thời gian rất dài, lực lượng cách mạng và người dân Việt Nam có lẽ đã phải hy sinh rất nhiều. Hơn nữa, chắc chắn rằng sự hiện diện của thủy quân lục chiến và lính dù cơ động cao của Mỹ đã mang đến sự hỗ trợ và hy vọng mới cho những người lính Việt Nam Cộng hòa. Những nguồn đáng tin cậy của tôi ở Việt Nam đã nói rằng những xu hướng mới đang nổi lên. Nhưng tôi cũng không bị thuyết phục bởi điều đó, tôi vui mừng nhớ lại những dòng chia tay được người đồng nghiệp Jack Langguth viết trong bản báo cáo cuối cùng mà ông gửi từ Sài Gòn vào tháng 9 năm 1965: “Khi đến Việt Nam, tôi tin rằng cuộc chiến sẽ bất phân thắng bại, nhưng rất đáng để cố gắng. Bây giờ, tôi lại nghĩ rằng chiến thắng có thể đạt được, nhưng cái giá phải trả là quá đắt”.

Tuy những nỗ lực của Mỹ đã có tăng cường, nhưng nó vẫn chưa chứng minh được rằng điều đó hoàn toàn có giá trị.

Lực lượng bộ binh Mỹ đã không thể hiện được khả năng bám trụ ở những nơi họ chưa từng chiếm giữ; lực lượng cách mạng mặc dù phải quay trở lại các đơn vị nhỏ hơn, nhưng không có nghĩa rằng điều đó sẽ ngăn cản họ truyền bá tư tưởng cho giai cấp nông dân.

Bất chấp mọi điều được viết về sự sa sút nhuệ khí của lực lượng cách mạng, thật là thiếu khôn ngoan khi cho rằng họ sẽ kiệt sức vì cuộc chiến nhanh hơn người Mỹ và họ không ý thức được điều đó.

Người Mỹ đã đưa tướng Lansdale trở lại Việt Nam và xung quanh ông là những nhân tài trẻ tuổi thông minh, những người rất quan tâm đến Việt Nam. Lần đầu tiên thanh niên có vị trí quan trọng trong Chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Nhân dịp đó, tướng Nguyễn Cao Kỳ đã có những phát biểu đầy ý nghĩa liên quan đến cuộc cách mạng xã hội cho nông dân và thậm chí còn ghi nhận rằng, trong quá khứ, lực lượng cách mạng luôn gần gũi với nguyện vọng của nông dân hơn là chính quyền Sài Gòn.

Những lời nhắc nhở đáng chú ý là thế, nhưng nói về cách mạng xã hội thì dễ hơn là thực sự bắt tay vào thực hiện. Khi tôi còn ở Sài Gòn, không ai nói nhiều về cách mạng xã hội hơn Cố vấn Ngô Đình Nhu.

Kết quả là, một cuộc xung đột mới và khốc liệt hơn lại nổ ra: những khuôn mặt mới, vũ khí mới, nhiều thương vong hơn. Hơn bất cứ điều gì khác, những nỗi đau của người nông dân lại nhắc nhở họ về cuộc chiến cũ. Kể từ đó đến giờ, mọi thứ vẫn chưa hề dễ dàng với họ và cuộc sống gần như không có gì cải thiện. Và giờ đây, mọi thứ đang bắt đầu quay trở lại quỹ đạo cũ.

Đã gần 2 năm kể từ khi rời Sài Gòn và tôi có cảm giác trong thời điểm mà cuộc chiến mới bắt đầu, người ta vẫn không thể đưa ra một bản tóm tắt nào về đất nước đang chịu đau khổ hơn những gì Langguth đã viết trong bài báo cuối cùng của ông ta: “Một số nhà quan sát thuộc phái bộ Mỹ, Bộ Tổng tham mưu quân đội và báo chí cho rằng chiến lược đang được triển khai không thể đạt được thành công. Họ khẳng định rằng Mỹ sẽ không bao giờ có thể cử đủ quân để thực hiện một nhiệm vụ như vậy. Có thể họ đã lầm, nhưng đa số người Việt Nam có lẽ sẽ không bao giờ trở thành bạn mà xem Mỹ là kẻ thù. Người Việt Nam ghét chiến tranh và họ sẽ tập trung ở các trung tâm tị nạn để tránh nó. Sau bao nhiêu đau khổ, mất mát, tuyệt vọng quá nhiều, họ đã không còn phản ứng gì”.

Khi rời khỏi Việt Nam, tôi đã tự vấn mình rằng: “Nếu một quốc gia dấn thân vào một cuộc chiến kinh hoàng và vô nhân đạo thì liệu danh dự quốc gia đó có nên được bảo vệ và duy trì bằng cách chống lại cuộc chiến quyết liệt hơn nữa không? Nhưng nếu như vậy thì tại sao Mỹ đã không tiếp tục cuộc chiến mà đáng lẽ nó phải được tiến hành dựa trên tình hình trước đó, thay vì làm theo các chiến lược sẽ chỉ dẫn đến thất bại? Liệu sức mạnh của Mỹ có làm cho lực lượng cách mạng sợ hãi và khiến họ lùi bước trước khi gây thêm tổn hại cho người dân miền Nam Việt Nam hay không? Nếu Mỹ có thể chiếm ưu thế ở Việt Nam chỉ cần dựa vào máy bay ném bom và lực lượng quân đội Mỹ thì Chính phủ Mỹ đã học được gì về chiến tranh du kích? Liệu trong 15 năm nữa, nước Mỹ có thể chứng minh được sự đúng đắn của mình? Những người nông dân miền Nam Việt Nam có địa vị tốt hơn dưới

sự lãnh đạo của thiếu tướng đương thời Nguyễn Cao Kỳ và những người kế nhiệm ông, hay là dưới chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở miền Bắc Việt Nam?

Liệu Thái Lan có thể yên tâm với một chiến thắng ở Việt Nam, kể cả khi phải trả cái giá bằng hàng loạt sinh mạng của những dân thường để đạt được? Phải chăng chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc được tạo thành từ một loạt các sai lầm mà một ngày nào đó họ cần phải sửa chữa? Hay liệu thế hệ lãnh đạo tiếp theo của Trung Quốc có nhận ra rằng cái giá phải trả cho các cuộc chiến tranh giải phóng quá đắt không?

Cuối cùng, liệu Mỹ có đang thực sự giúp đỡ nhân dân miền Nam Việt Nam mà không làm tổn hại họ? Những câu hỏi mà bản thân tôi không thể giải đáp được.



Quét mã QR để nghe Audio

CHƯƠNG II

Vào đầu năm 1962, khi tôi vẫn còn ở Congo, tôi đã bắt đầu gợi ý với Tạp chí Time rằng tôi quan tâm đến việc được cử đến Đông Dương. Sau 10 tháng ở Congo, tôi cảm thấy chán ngấy, mặc dù tất cả những bài viết của tôi đều xuất hiện trên trang nhất, nhưng thực sự tôi không có nhiều việc để làm và đáng nhớ của riêng mình. Trong khi đó, người Mỹ đang xây dựng một sức mạnh quân sự tại Việt Nam, điều này rất hấp dẫn và hoàn toàn phù hợp với xu thế hiện tại. Tại Congo, tôi đã nhiều lần gặp những người từng phục vụ ở Việt Nam và họ trở về với những câu chuyện hấp dẫn. Rõ ràng rằng các lực lượng nhỏ trong cuộc xung đột ở Congo đang đối đầu trực tiếp với nhau, giống như cuộc chiến khốc liệt tại Việt Nam diễn ra dựa trên những tàn tích của thuộc địa. Bên cạnh đó, các nước phương Tây đang cố gắng học cách sử dụng chiến thuật của lực lượng cách mạng để chống lại đối thủ.

Một bên là Edmund Gullion, Đại sứ Hoa Kỳ tại Congo, đã từng phục vụ tại Việt Nam trong những thời điểm cuối cùng khi Pháp chiếm đóng, kể cho tôi về những khó khăn chính trị mà người phương Tây phải đối mặt ở đó. Một bên là lực lượng

lính đánh thuê da trắng của Tshombé¹, trong đó nhiều người đã từng là thành viên của binh đoàn lê dương đã kể lại cho tôi những quan điểm của họ về chiến tranh. Ngoài việc không có sự đồng cảm với người Việt Nam, những người này đã giữ lại bí mật về kỹ thuật chiến tranh của đối phương.

Việc xin chuyển công tác đến Việt Nam đồng nghĩa với việc tôi sẽ rời Congo trong danh dự, vì không có gì đáng trách trong việc cố gắng đến một nơi đang diễn ra một cuộc chiến ác liệt. Ngoài ra, phải thừa nhận rằng ban đầu, Đông Dương có vẻ khác biệt nhiều hơn Congo và tôi đã không lâm vào vấn đề này. Trong 6 tháng đầu khi đến Việt Nam, tôi viết các bài báo với sự quan tâm và hào hứng, tuy nhiên những bài báo này chỉ được đăng ở trang trong tờ báo chứ không như khi viết về Congo (các bài viết hứa hẹn sẽ xuất hiện trên trang nhất). Tôi chán ngấy Congo, vì tôi mệt mỏi khi nghe người phát ngôn của Liên hợp quốc tuyên bố rằng họ sẽ kiểm soát các vùng mà họ thực sự không kiểm soát; mệt mỏi khi nghe lặp đi lặp lại trước mỗi cuộc họp quan trọng rằng có thể tin tưởng vào Tshombé, rằng chỉ có người Bỉ và Munongo² xung quanh gây rối và chủ yếu là bọn cướp; chán nản khi nghe Tshombé cứ lặp đi lặp lại rằng tất cả mọi người khác đều là kẻ nói dối, trong khi ông ta không bao giờ giữ lời hứa; mệt mỏi khi nhận ra rằng người Congo không quan tâm đến đất nước mình hơn người da trắng. Thực sự, tôi mệt mỏi tất cả mọi thứ liên quan đến Congo, trừ người trợ lý của tôi, Philomon - một chàng trai dũng cảm và trung thực.

1. Moïse Tshombé: Chính trị gia người Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

2. Godefroid Munongo: Chính trị gia người Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

Một buổi tối tháng 6 năm 1962, tôi đi ăn tối với một viên đại tá người Anh, đang phục vụ cùng quân đội Niger tại Luluabourg¹ và ông ta giải thích về một số điều phàn nàn của chúng tôi.

Tạp chí Time muốn viết một bài dài về Moïse Tshombé, và ông ta đã tận dụng cơ hội này. Michel Strulens, người phụ trách dịch vụ quan hệ công chúng của Tshombé tại New York, đã kể cho ông ta biết rằng tôi hy vọng cho một Katanga² tự do, vì vậy khi đến Elisabethville³, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ: tôi được mời ở lại trong phòng khách sạn cao cấp, một chiếc xe đã được chuẩn bị sẵn sàng phục vụ. Tôi là khách mời riêng của Tổng thống. Tôi cảm ơn và từ chối những lời mời này vì Tạp chí Time không cho phép. Tôi thậm chí còn được mời tham gia nhiều cuộc họp với các sĩ quan Katanga và Thụy Điển mang nhiều huy chương (báo chí đã quả quyết từ lâu rằng số lượng huy chương mà một sĩ quan mang trên người tỷ lệ nghịch với số lần mà nước họ tham gia chiến tranh). Một phóng viên đầy nhiệt huyết của Daily Express đã hỏi một sĩ quan Thụy Điển về ý nghĩa những chiếc huy chương của ông ta. Ông ta cho biết rằng một số huy chương trong đó đã được người Đức trao trong Chiến tranh thế giới thứ hai vì ông ta đã giúp đỡ khi họ trốn khỏi đất nước. Dù có sự phản đối mạnh mẽ của Liên hợp quốc và lực lượng chống phát xít, Daily Express vẫn thường gọi

1. Luluabourg: Tên cũ của thành phố Katanga, Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

2. Katanga: Một tỉnh ở phía đông nam Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

3. Elisabethville: Tên cũ của thành phố Lubumbashi, Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

Chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai là Chiến tranh Đức thứ nhất và thứ hai.

Cuộc sống xã hội ở Congo luôn náo nhiệt và sôi động hơn cả những gì chúng ta có thể tưởng tượng; cả người Congo cũng như người Katanga đều thích tụ tập và các đại diện của những quốc gia nước ngoài không có nhiều việc làm để giết thời gian. Ngay cả trong những ngày đen tối và nguy hiểm nhất ở Stanleyville¹, ngay sau cái chết của Lumumba², khi các quốc gia thuộc khối Đông Âu đã nắm quyền kiểm soát, vẫn có những buổi tiếp đón vào mỗi tối. Trong giai đoạn đó, Tổng lãnh sự Anh, một trong hai người phương Tây đang cư trú tại Stanleyville, sau này đã kể cho tôi về cuộc sống hàng ngày của ông. Ông kể rằng ngày nào cũng bắt đầu bằng những tiếng gõ cửa quen thuộc. Ông trả lời và ngay lập tức bị một nhóm lính Lummumbist mặc đồng phục, do một đại úy trẻ chỉ huy, bắt giữ. Viên đại úy ra lệnh đánh ông trong khoảng mười phút, trong lúc đó họ tiếp tục phá hủy hết tài liệu của ông. Sau đó, viên lãnh sự bị kéo ra ngoài, đưa ra khỏi thành phố và bị bắt tựa lưng vào tường; ông nhận lấy điều thuốc cuối cùng trong khi đám lính chĩa súng vào ông. Vào phút cuối cùng, viên đại úy ra lệnh không bắn, sau đó ông bị ném như một bao thóc trên một chiếc xe tải đưa trở về khách sạn. Sau đó, ông tự băng bó vết thương của mình và khoảng 7 giờ tối, ông đã hồi phục để tham dự buổi tiệc tại Đại sứ quán Nga. Trong buổi tiệc, ông nhìn thấy từ phía bên

1. Stanleyville: Tên cũ của thành phố Kisangani, Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

2. Lumumba: Nhà lãnh đạo dân tộc, chính trị gia Congo (B.T).

Thủ tướng đầu tiên của Cộng hòa Dân chủ Congo (B.T).

kia phòng viên đại úy trẻ vừa mới ra lệnh đánh đập ông đang tươi cười, ra hiệu chào hỏi.

Các buổi tiệc ở Katanga thiếu đi sự hấp dẫn vốn có mà những buổi tiệc ở Stanleyville thường có, dù về mặt chính trị chúng có khá nhiều khác biệt; không hiếm khi thấy Tshombé tử tế ký tên trên một tờ tiền Pháp của Katanga dành cho một người Thụy Điển và chúc mừng Ngày Độc lập của Ấn Độ (“đó là một thương gia Ấn Độ đã dạy cho tôi ý nghĩa của độc lập...”).

Struelens¹ đã phải kể cho Tshombé rằng ông đã đích thân ký kết thỏa thuận với tờ báo Time về việc viết bài và đặc biệt, tôi được đi máy bay từ New York đến chỉ để viết bài. Khi tôi bước vào văn phòng của Tổng thống, tướng Norbert Muke, chỉ huy tối cao của Katanga, đã yêu cầu tôi chờ ngoài văn phòng (đã rất hoài nghi và mất lòng tin, tôi nghĩ rằng Tshombé luôn để ông Norbert già yếu đó chờ đợi để các phóng viên có thể cho rằng họ có quyền ưu tiên hơn chỉ huy tối cao).

Khi nhìn thấy tôi đi vào, khuôn mặt của Tshombé trở nên thất vọng. Ông ta nói: “Ôi! Tôi biết ông”.

Sau đó, nhớ ra rằng thái độ này không thể được xem là tốt trong mối quan hệ công chúng, ông cười và nói thêm:

- Ông là một người bạn cũ. Ông đã từng trải qua nhiều cuộc chiến với chúng tôi ở đây.

Đó là sự khởi đầu của cuộc phỏng vấn như thường lệ, những lời ca ngợi hoa mỹ, câu chuyện của Tshombé chống

1. Struelens: Công chức người Bỉ đại diện cho Moïse Tshombé, Tổng thống của Nhà nước tự xưng Katanga, tại Hoa Kỳ giai đoạn 1960 - 1963 (B.T).